

Hải Dương, ngày 8 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ

“Khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Học kỳ II, III năm học 2023-2024”

1. Mục đích, yêu cầu, nội dung và đối tượng khảo sát

1.1. Mục đích

a) Đối với Nhà trường:

- Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua phản hồi của người học.
- Góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng giáo dục thường niên.
- Giúp Ban Giám hiệu, các Khoa/Bộ môn có cơ sở để nhận xét, đánh giá và có kế hoạch bồi dưỡng cho giảng viên.

b) Đối với giảng viên:

- Tạo thêm kênh thông tin giúp giảng viên tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoàn thiện, phát huy năng lực giảng dạy về chuyên môn, tác phong sư phạm.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, mục tiêu đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

c) Đối với người học:

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học trong học tập và rèn luyện bản thân.
- Đảm bảo quyền lợi cho người học, tạo điều kiện để người học được phản ánh nguyện vọng và thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

1.2. Yêu cầu của việc khảo sát

Công tác lấy ý kiến người học được thực hiện theo quy trình cụ thể, công khai và phải tuân thủ theo những yêu cầu sau:

- Nội dung khảo sát phải đáp ứng yêu cầu Công văn số 7324/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 08/10/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công tác kiểm định chất lượng.
- Giảng viên và người học phải được thông tin đầy đủ và hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc khảo sát.
- Người học phải trung thực, khách quan và có thái độ đúng mực trong việc cung cấp thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- Thông tin phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên phải được xử lý khách quan, trung thực, chính xác và phải được sử dụng đúng mục đích.
- Giảng viên phải tôn trọng, có tinh thần cầu thị trước kết quả xử lý thông tin phản hồi từ phía người học về hoạt động giảng dạy của bản thân.

1.3. Nội dung khảo sát

- Nội dung, chất lượng học phần
- Hoạt động giảng dạy của giảng viên
- Tổ chức, quản lý học phần
- Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học...

1.4. Đối tượng thực hiện khảo sát

Người học ở trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học, Chuyên khoa I tham dự các học phần lý thuyết, thực hành, lâm sàng, thực tập tốt nghiệp được triển khai trong kỳ II, III năm học 2023-2024 tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

2. Công cụ khảo sát, phương pháp khảo sát, tiêu chí đánh giá xếp loại

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 05 mức độ:

- **Rất không đồng ý** (tương ứng với 1 điểm);
- **Không đồng ý** (tương ứng với 2 điểm);
- **Trung lập** (tương ứng với 3 điểm);
- **Đồng ý** (tương ứng với 4 điểm);
- **Rất đồng ý** (tương ứng với 5 điểm).

Phương pháp khảo sát:

Khảo sát bằng hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp đối với người học hệ VL VH, Chuyên khoa I.

Khảo sát bằng phần mềm khảo sát người học-Unirate đối với người học hệ chính quy

Căn cứ vào số phiếu có giá trị thống kê, sau khi xử lý thống kê, kết quả được phân loại như sau:

TT	Mức trung bình chung tích lũy	Mức ý kiến phản hồi	Hoạt động tiếp theo
1	4,21 - 5,00	Xuất sắc	Tiếp tục duy trì và phát triển
2	3,41 - 4,20	Tốt	Hoàn thiện nâng cao hơn nữa
3	2,61 - 3,40	Khá	Cải tiến hơn để nâng cao chất lượng đào tạo
4	1,81 - 2,60	Trung bình	Xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo
5	1,00 - 1,80	Kém	Cần khắc phục ngay và nhanh chóng có kế hoạch hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo

3. Kết quả

3.1 Kết quả về hoạt động khảo sát đối với người học bậc đại học

3.1.1 Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

Kết quả khảo sát ý kiến người học chính quy, VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, III năm học 2023-2024 đối với học phần lý thuyết thể hiện bảng sau:

Bảng 1: Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần LT	Số GV	Số phiếu khảo sát	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Y học cơ sở	23	7	1325	0	0.00	23	100	0	0.00
2	Khoa Điều dưỡng	22	9	1257	6	27.27	16	72.73	0	0.00
3	Khoa ĐQ&YHHN	10	3	1015	5	50.00	5	50.00	0	0.00
4	Khoa Y	28	21	1245	2	7.14	26	92.86	0	0.00
5	Khoa Xét nghiệm	54	13	1876	15	27.78	39	72.22	0	0.00
6	Khoa YHDP/YTCC	19	8	1347	6	31.58	13	68.42	0	0.00
7	Khoa Phục hồi chức năng	28	11	1314	15	53.57	13	46.43	0	0.00
8	BM Khoa học cơ bản	26	7	1516	3	11.54	24	88.46	0	0.00
9	BM Ngoại ngữ	25	9	648	0	0.00	25	100	0	0.00
10	BM Chính trị-TC-QP	33	8	1906	4	12.12	29	87.88	0	0.00
	Tổng	268	96	13449	56	20.90	212	79.10	0	0.00

Nhận xét:

Hoạt động khảo sát ý kiến người học chính quy, VLVH về hoạt động giảng dạy học phần lý thuyết của GV học kỳ II, III năm học 2023-2024 được thực hiện với 97 giảng viên, tương ứng với 269 học phần.

Kết quả thu được 13449 ý kiến phản hồi (đạt 96.3%) trong đó 20.90% học phần đạt mức xuất sắc, 79.10% học phần đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình và yếu.

3.1.2. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần thực hành.

Kết quả khảo sát ý kiến người học chính quy, VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, III năm học 2023 - 2024 đối với học phần thực hành thể hiện bảng sau:

Bảng 2: Thông tin chung về hoạt động khảo sát các học phần thực hành

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần TH	Số giảng viên	Số phiếu khảo sát	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Xét nghiệm	55	13	598	7	12.73	48	87.27	0	0.00
2	Khoa Y	23	13	368	4	17.39	19	82.61	0	0.00
3	Khoa Phục hồi chức năng	42	11	1298	21	50.00	21	50.00	0	0.00
4	Khoa ĐQ&YHHN	27	8	678	10	37.04	17	62.96	0	0.00
5	Khoa Điều dưỡng	11	8	572	2	18.18	9	81.82	0	0.00
6	Khoa Y học cơ sở	13	7	445	0	0.00	13	100.00	0	0.00
7	Khoa YHDP/YTCC	5	2	256	4	80.00	1	20.00	0	0.00
8	BM Khoa học cơ bản	31	8	984	4	12.90	27	87.10	0	0.00
9	Học phần nhiều GV cùng giảng dạy	15	25	926	0	0.00	15	100.00	0	0.00
	Tổng	222	95	6125	52	23.42	171	76.58	0	0.00

Nhận xét:

Hoạt động khảo sát ý kiến người học chính quy, VLVH về hoạt động giảng dạy học phần thực hành của GV học kỳ II, III năm học 2023-2024 được thực hiện với 95 giảng viên, tương ứng với 222 học phần.

Kết quả thu được 6125 ý kiến phản hồi (đạt 96.45%) trong đó 23.42% học phần đạt mức xuất sắc, 76.58% học phần đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình và yếu.

3.1.3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng

Kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động dạy học lâm sàng học kỳ II năm học 2023 – 2024 thể hiện bảng sau:

Bảng 3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng

Đặc điểm đối tượng khảo sát		Số lượng dự kiến	Số lượng tham gia	Tỷ lệ (%)
Chuyên ngành đào tạo	Điều dưỡng	562	554	98.58
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	321	308	95.95
	Kỹ thuật Hình ảnh y học	348	322	92.53
	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	259	249	96.14
	Y khoa	290	278	95.86
Tổng:		1780	1711	96.12

Nhận xét: Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động dạy học lâm sàng kỳ II năm học 2023-2024 có 1711/1780 người học tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 96.12%.

3.1.4. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy thực tập tốt nghiệp

Kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động dạy học thực tập tốt nghiệp học kỳ II năm học 2023 – 2024 thể hiện bảng sau:

Bảng 4. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động thực tập tốt nghiệp

Đặc điểm đối tượng khảo sát		Số lượng dự kiến	Số lượng tham gia	Tỷ lệ (%)
Chuyên ngành đào tạo	Điều dưỡng	172	167	97.1
	Kỹ thuật PHCN	77	75	97.4
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	190	183	96.3
	Kỹ thuật Hình ảnh y học	120	108	90.0
	Y khoa	62	54	87.1
Tổng:		621	587	94.5

Nhận xét:

Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động dạy học thực tập tốt nghiệp kỳ II năm học 2023-2024 có 587/621 người học tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 94.5%.

3.1.5. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lý thuyết

Bảng 5: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần lý thuyết

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
5.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ những năng lực người học cần đạt được	2.45	0.42	15.99	51.93	26.34	4.04
5.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý	2.43	0.41	15.99	55.57	25.59	4.01
5.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học	2.48	0.30	15.83	55.42	25.97	4.02
5.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của người học	2.46	0.34	15.75	55.76	25.69	4.02
5.5	Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	2.48	0.31	15.67	55.45	26.09	4.02
5.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	2.47	0.27	15.73	55.82	25.71	4.02

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.01 - 4.04).

Tiêu chí “ Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 81.54 %.

Tiêu chí “ CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 2.87 %.

Bảng 6: Hoạt động giảng dạy đối với các học phần lý thuyết

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
6.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	2.45	0.28	15.09	55.85	26.33	4.03
6.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	2.44	0.27	15.56	55.90	25.83	4.02
6.3	Giảng viên truyền đạt rõ ràng, đầy đủ các nội dung học phần	2.45	0.31	15.44	55.83	25.97	4.03
6.4	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách cho người học	2.43	0.28	15.59	55.49	26.21	4.03
6.5	Giảng viên giúp người học phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu	2.45	0.30	15.61	55.64	26.00	4.02
6.6	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học	2.48	0.31	15.46	55.94	25.82	4.02

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.02-4.03).

Tiêu chí “Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 82.18%.

Tiêu chí “Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 2.79 %.

Bảng 7: Tổ chức, quản lý học phần

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
7.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	2.42	0.31	15.70	54.97	26.60	4.03
7.2	Người học hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	2.42	0.28	16.28	55.68	25.34	4.01
7.3	Người học được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	2.42	0.25	15.84	55.74	25.75	4.02
7.4	Người học được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	2.42	0.27	15.89	55.75	25.67	4.02
7.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	2.42	0.26	15.56	56.00	25.77	4.02
7.6	Hoạt động tự học của người học được giám sát, đánh giá hiệu quả	2.42	0.30	15.92	55.41	25.94	4.02
7.7	Người học được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	2.43	0.25	15.80	55.59	25.93	4.02

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.01-4.03).

Tiêu chí “Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 81.77 %.

Tiêu chí “Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 2.73 %.

Bảng 8: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
8.1	Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	2.40	0.23	15.73	55.81	25.83	4.02
8.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích người học tự học, tự nghiên cứu	2.40	0.25	16.41	55.45	25.48	4.01
8.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	2.42	0.24	15.99	55.59	25.76	4.02
8.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp người học cải thiện kết quả học tập	2.40	0.25	16.24	55.51	25.60	4.02
8.5	Người học được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	2.43	0.22	16.01	55.63	25.71	4.02

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.01 - 4.02).

Tiêu chí “Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 81.64%.

Tiêu chí “Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 2.66%

Bảng 9: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
9.1	Học liệu liên quan đến học phần đáp ứng được nhu cầu học tập của người học (có trong thư viện hoặc giảng viên cung cấp)	2.39	0.25	16.06	56.38	24.92	4.01
9.2	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát	2.45	0.52	17.15	55.21	24.67	3.99
9.3	Trang thiết bị tại phòng học đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập học phần	2.43	0.43	16.80	55.66	24.68	4.00

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.99 - 4.01)

Tiêu chí “Học liệu liên quan đến học phần đáp ứng được nhu cầu học tập của người học (có trong thư viện hoặc giảng viên cung cấp)” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 81.30 %.

Tiêu chí “Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 2.97 %

Bảng 10: Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?

Nội dung		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?	Rất không hài lòng	852	6.31
	Không hài lòng	857	6.35
	Phân vân	1388	10.28
	Hài lòng	8048	59.62
	Rất hài lòng	2354	17.44

Nhận xét:

- 77.06% NH hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân.

- 12.66% NH không và rất không hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân

3.1.6. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần thực hành**Bảng 11: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
10.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ những năng lực người học cần đạt được	2.56	0.44	15.53	64.10	17.37	3.93
10.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý	2.56	0.41	15.61	64.38	17.04	3.93
10.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học	2.57	0.47	15.11	64.20	17.34	3.93
10.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của người học	2.55	0.44	15.41	64.26	17.34	3.93
10.5	Nội dung thực hành, tài liệu tham khảo được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	2.55	0.44	15.46	64.34	17.21	3.93
10.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	2.55	0.44	15.48	64.38	17.16	3.93

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình bằng nhau, đạt mức tốt (3.93 điểm)

Tiêu chí “Nội dung thực hành, tài liệu tham khảo được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 81.55%.

Tiêu chí “Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học” có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 3.04%.

Bảng 12. Hoạt động giảng dạy đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
11.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	2.55	0.42	15.20	64.41	17.42	3.94
11.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	2.55	0.44	15.38	64.39	17.24	3.93
11.3	Giảng viên hướng dẫn người học sử dụng trang thiết bị thực hành an toàn, đúng quy trình	2.55	0.44	15.31	64.38	17.32	3.93
11.4	Giảng viên luôn giám sát, uốn nắn, kèm cặp người học thực hành và điều chỉnh kịp thời	2.55	0.47	15.41	64.20	17.37	3.93
11.5	Giảng viên luôn quan tâm giáo dục ý thức thực hành nghề nghiệp cho người học	2.61	0.38	15.35	64.39	17.27	3.93

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 3.93-3.94 điểm).

Tiêu chí “Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 81.83 %.

Tiêu chí “Giảng viên luôn giám sát, uốn nắn, kèm cặp người học thực hành và điều chỉnh kịp thời” có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 3.02 %.

Bảng 13: Tổ chức, quản lý dạy học đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
12.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	2.55	0.41	15.56	64.15	17.34	3.93
12.2	Người học hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	2.55	0.42	15.35	64.39	17.29	3.93
12.3	Người học được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	2.60	0.38	15.46	64.26	17.31	3.93
12.4	Người học được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	2.53	0.41	15.41	64.15	17.50	3.94
12.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	2.53	0.42	15.40	64.29	17.36	3.94
12.6	Hoạt động tự học của người học được giám sát, đánh giá hiệu quả	2.53	0.46	15.51	64.10	17.40	3.93
12.7	Người học được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	2.61	0.39	15.49	64.16	17.34	3.93

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt đạt (từ 3.93 – 3.94 điểm).

Tiêu chí “Người học hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 81.68 %.

Tiêu chí “Người học được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập” có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 3.00 %.

Bảng 14: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
13.1	Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	2.61	0.38	15.51	64.02	17.49	3.93
13.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích người học tự học, tự nghiên cứu	2.61	0.38	15.69	63.98	17.34	3.93
13.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	2.63	0.39	15.66	63.82	17.50	3.93
13.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp người học cải thiện kết quả học tập	2.61	0.38	15.53	64.08	17.40	3.93
13.5	Người học được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	2.61	0.36	15.64	64.00	17.39	3.93

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (3.93 điểm).

Tiêu chí “Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 81.51%.

Tiêu chí “Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan” có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 3.02 %.

Bảng 15: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
14.1	Học liệu liên quan đến học phần đáp ứng được nhu cầu học tập của người học (có trong thư viện hoặc giảng viên cung cấp)	2.55	0.46	15.51	64.33	17.16	3.93
14.2	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát....	2.60	0.49	15.82	63.89	17.21	3.93
14.3	Trang thiết bị thực hành, vật tư, hoá chất phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	2.60	0.51	15.79	64.15	16.96	3.92

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.92-3.93).

Tiêu chí “Học liệu liên quan đến học phần đáp ứng được nhu cầu học tập của người học (có trong thư viện hoặc giảng viên cung cấp)” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 81.49%.

Tiêu chí “Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 3.11 %.

Bảng 16: Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?

Nội dung		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?	Rất không hài lòng	476	7.77
	Không hài lòng	314	5.13
	Phân vân	756	12.34
	Hài lòng	3345	54.61
	Rất hài lòng	1234	20.15

Nhận xét:

- 74.76% NH hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân.

- 12.90% NH không và rất không hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân

3.1.7. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lâm sàng**Bảng 17 : Nội dung, chất lượng học phần lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
15.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ năng lực SV cần đạt được	1.15	0.29	15.57	60.43	22.56	4.03
15.2	Thời lượng thực tập lâm sàng được phân bố hợp lý	1.05	0.29	16.66	59.79	22.21	4.02
15.3	Nội dung thực tập lâm sàng cập nhật phù hợp CĐR, mục tiêu học phần	0.99	0.35	15.78	60.78	22.09	4.03
15.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của người học	0.88	0.29	16.42	59.56	22.85	4.03
15.5	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.99	0.47	16.07	60.37	22.09	4.02

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.02-4.03)

Tiêu chí “CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ năng lực SV cần đạt được” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 82.99%.

Tiêu chí “Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 1.46 %.

Bảng 18: Hoạt động dạy học lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
16.1	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần lâm sàng, tiêu chí kiểm tra, đánh giá	0.94	0.41	15.55	60.43	22.68	4.04
16.2	Được giới thiệu về khoa, nội quy khoa, cơ cấu bệnh tật	0.88	0.41	16.42	59.85	22.44	4.03
16.3	Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề, phân tích và chỉ ra các sai sót y khoa, đề phòng y học, cần tránh khi thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật	0.88	0.29	16.31	60.08	22.44	4.03
16.4	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho người học khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân	0.94	0.29	15.60	60.96	22.21	4.03
16.5	Đợt thực tập lâm sàng giúp cải thiện tốt kiến thức, kỹ năng tay nghề của SV	0.94	0.35	15.60	60.49	22.62	4.04

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.03-4.04).

Tiêu chí “Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho người học khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 83.17%.

Tiêu chí “Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần lâm sàng, tiêu chí kiểm tra, đánh giá”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 1.35 %.

Bảng 19: Tổ chức, quản lý dạy học lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
17.1	Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng	0.82	0.29	14.67	61.48	22.74	4.05
17.2	Lịch giảng lâm sàng được thông báo rõ ràng, cụ thể và hợp lý	0.76	0.47	15.84	60.32	22.62	4.04
17.3	Được giảng viên lâm sàng giám sát, hỗ trợ trong thực tập lâm sàng	0.70	0.35	15.84	61.13	21.98	4.03
17.4	Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban người học) hàng sáng	0.70	0.41	16.48	60.55	21.86	4.02
17.5	Giảng viên quản lý người học tổ chức rút kinh nghiệm khi kết thúc vòng lâm sàng	0.82	0.41	15.72	60.96	22.09	4.03

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.02-4.05).

Tiêu chí “Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 84.22%.

Tiêu chí “Lịch giảng lâm sàng được thông báo rõ ràng, cụ thể và hợp lý”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 1.23%.

Bảng 20: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
18.1	Kết quả học tập của người học được đánh giá công bằng, khách quan	0.76	0.23	16.31	60.72	21.98	4.03
18.2	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích người học tự học, tự nghiên cứu và giúp hoàn thiện năng lực cho người học	0.70	0.41	16.36	60.72	21.80	4.03
18.3	Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến người học ngay sau khi kết thúc vòng lâm sàng theo đúng quy định	0.76	0.47	16.31	60.49	21.98	4.02
18.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp người học cải thiện kết quả học tập	0.76	0.23	16.54	61.08	21.39	4.02
18.5	Người học được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.70	0.47	16.54	60.37	21.92	4.02

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung đạt mức tốt (từ 4.02-4.03).

Tiêu chí “Kết quả học tập của người học được đánh giá công bằng, khách quan” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 82.70%.

Tiêu chí “Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến người học ngay sau khi kết thúc vòng lâm sàng theo đúng quy định”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 1.23 %.

Bảng 21: Cơ sở vật chất, trang thiết bị/phương tiện, vật liệu dạy học và các điều kiện khác đảm bảo cho việc học tập lâm sàng

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
19.1	Tại khoa có đủ mặt bệnh như đề cương chi tiết học phần lâm sàng	0.76	0.29	17.08	59.34	22.5	4.02
19.2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu học tập	0.70	0.47	17.59	59.73	21.51	4.01
19.3	Lưu lượng người học thực tập tại khoa là phù hợp	0.70	0.47	17.07	60.02	21.74	4.02
19.4	Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm thực hành lâm sàng	0.64	0.47	16.54	60.37	21.98	4.03

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.01-4.03).

Tiêu chí “Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm thực hành lâm sàng” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 82.35%.

Tiêu chí “Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu học tập”, “Lưu lượng người học thực tập tại khoa là phù hợp” có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 1.17 %.

Bảng 22: Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?

Nội dung		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?	Rất không hài lòng	350	20.46
	Không hài lòng	134	7.83
	Phân vân	123	7.19
	Hài lòng	899	52.54
	Rất hài lòng	205	11.98

Nhận xét:

- 64.52% NH hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân.

- 28.29% NH không và rất không hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân

3.1.8. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần thực tập tốt nghiệp

Bảng 23 : Nội dung, chất lượng học phần

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
20.1	CĐR/Mục tiêu học nêu rõ năng lực SV cần đạt	0.34	0.00	13.29	63.54	22.83	4.09
20.2	Thời lượng TTTN được phân bố hợp lý	0.17	0.17	13.12	63.88	22.66	4.09
20.3	Nội dung TTTN cập nhật phù hợp với CĐR, mục tiêu HP	0.17	0.17	12.27	64.57	22.83	4.10
20.4	Nội dung TTTN phù hợp với trình độ của người học	0.17	0.17	12.44	63.54	23.68	4.10
20.5	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.17	0.00	12.27	65.08	22.49	4.10

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.09-4.10).

Tiêu chí “Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CDR/mục tiêu học phần” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 87.57%.

Bảng 24: Hoạt động dạy học thực tập tốt nghiệp

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
24.1	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm, chỉ tiêu tay nghề, nội dung – tiêu chí kiểm tra, đánh giá trước đợt TTTN	0.17	0.00	12.78	63.71	23.34	4.10
24.2	Được giới thiệu về khoa, nội quy khoa, cơ cấu bệnh tật	0.17	0.00	12.44	65.08	22.32	4.09
24.3	Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề, phân tích và chỉ ra các sai sót y khoa, đề phòng y học, cần tránh khi thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật	0.17	2.00	11.97	64.57	21.29	4.07
24.4	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, cách giao tiếp ứng xử cho người học khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân	0.17	0.17	13.46	65.08	21.12	4.07
24.5	Đợt TTTN giúp cải thiện tốt kiến thức, kỹ năng tay nghề của SV	0.17	0.17	12.27	65.76	21.64	4.09

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.07 - 4.10).

Tiêu chí “Được giới thiệu về khoa, nội quy khoa, cơ cấu bệnh tật” và “Đợt TTTN giúp cải thiện tốt kiến thức, kỹ năng tay nghề của SV” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 87.40 %

Tiêu chí “Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề, phân tích và chỉ ra các sai sót y khoa, đề phòng y học, cần tránh khi thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 2.17%.

Bảng 25: Tổ chức, quản lý dạy học thực tập tốt nghiệp

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
22.1	Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước đợt TTTN	0.17	0.00	11.24	64.74	23.85	4.12
22.2	Kế hoạch TTTN rõ ràng, cụ thể và hợp lý	0.17	0.00	12.78	65.25	21.81	4.09
22.3	Được giảng viên lâm sàng giám sát, hỗ trợ trong quá trình TTTN	0.34	0.00	12.27	65.25	22.15	4.09
22.4	Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban SV) định kỳ	0.17	0.17	12.95	64.40	22.32	4.09
22.5	Giảng viên của Khoa giám sát, hỗ trợ hiệu quả SV trong thời gian TTTN	0.17	0.00	12.78	64.74	22.32	4.09

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.09-4.12)

Tiêu chí “Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước đợt TTTN” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 88.59 %.

Bảng 26: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập thực tập tốt nghiệp

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
23.1	Kết quả học tập của người học được đánh giá công bằng, khách quan	0.17	0.00	12.61	64.57	22.66	4.10
23.2	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích người học tự học, tự nghiên cứu và giúp hoàn thiện năng lực cho người học	0.17	0.00	13.29	65.93	20.61	4.07
23.3	Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến người học ngay sau khi kết thúc đợt TTTN	0.17	0.00	11.75	65.76	22.32	4.10
23.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp người học cải thiện kết quả học tập	0.17	0.00	12.95	63.54	23.34	4.10
23.5	Người học được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.17	0.00	12.95	65.59	21.29	4.08

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.07-4.10)

Tiêu chí “Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến người học ngay sau khi kết thúc đợt TTTN” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 88.08 %.

Tất cả các tiêu chí đều có tỷ lệ NH không đồng ý là 0.17%

Bảng 27: Cơ sở vật chất, trang thiết bị/phương tiện, vật liệu dạy học và các điều kiện khác đảm bảo cho việc học tập thực tập tốt nghiệp

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
24.1	Cơ sở TTTN đáp ứng đầy đủ chỉ tiêu tay nghề đưa ra trong kế hoạch học tập	0.17	0.00	11.24	64.91	23.68	4.12
24.2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu học tập	0.17	0.00	11.75	65.42	22.66	4.10
24.3	Lưu lượng người học thực tập tại khoa là phù hợp	0.17	0.17	11.75	65.08	22.83	4.10
24.4	Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm TTTN	0.17	0.00	11.93	63.71	24.19	4.12

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.10-4.12)

Tiêu chí “Cơ sở TTTN đáp ứng đầy đủ chỉ tiêu tay nghề đưa ra trong kế hoạch học tập” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 88.59 %.

Tiêu chí “Lưu lượng người học thực tập tại khoa là phù hợp”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 0.34%.

Bảng 28: Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?

Nội dung		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?	Rất không hài lòng	85	14.10
	Không hài lòng	35	5.80
	Phân vân	23	3.81
	Hài lòng	358	59.37
	Rất hài lòng	102	16.92

Nhận xét:

- 76.29% NH hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân.

- 19.9% NH không và rất không hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân

3.2 Kết quả về hoạt động khảo sát đối với người học hệ Chuyên khoa I**3.2.1. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết**

Kết quả khảo sát ý kiến người học hệ CKI về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2023-2024 đối với học phần lý thuyết thể hiện bảng sau:

Bảng 29: Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần LT	Số GV	Số phiếu phản hồi	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Y	3	3	19	2	66.67	1	33.33	0	0.00
2	Khoa Xét nghiệm	4	1	60	4	100	0	0.00	0	0.00
3	Khoa Phục hồi chức năng	6	4	58	5	83.33	1	16.67	0	0.00
4	Khoa YHDP/YTCC	1	1	24	1	100	0	0.00	0	0.00
Tổng		14	9	161	12	85.71	2	14.29	0	0.00

Nhận xét:

Kết quả triển khai hoạt động khảo sát ý kiến người học hệ CKI về hoạt động giảng dạy lý thuyết của giảng viên học kỳ II năm học 2023 – 2024:

- Tổng số phiếu phát đi: 168 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 161 phiếu
- Tỷ lệ người học phản hồi = 95.83%.

- Khảo sát 9 giảng viên với 14 học phần thuộc 4 Khoa/Bộ môn. Trong đó có 85.71% số giảng viên được người học phản hồi đạt mức xuất sắc; 14.29% giảng viên đạt mức tốt và không có giảng viên đạt mức khá, trung bình và yếu

3.2.2 Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần thực hành.

Kết quả khảo sát ý kiến người học hệ CKI về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2023- 2024 đối với học phần thực hành thể hiện bảng sau:

Bảng 30: Thông tin chung về hoạt động khảo sát các học phần thực hành

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần TH	Số giảng viên	Số phiếu phản hồi	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Xét nghiệm	12	6	65	11	91.67	1	8.33	0	0.00
2	Khoa Y	3	3	24	2	66.67	1	33.33	0	0.00
3	Khoa PHCN	7	4	47	4	57.14	3	42.86	0	0.00
4	Khoa CDHA	1	1	18	1	100	0	0.00	0	0.00
5	Khoa Y học cơ sở	2	2	19	2	100	0	0.00	0	0.00
6	Học phần nhiều GV cùng giảng	5	10	102	5	100	0	0.00	0	0.00
Tổng		30	26	275	25	83.33	5	16.67	0	0.00

Nhận xét: Kết quả triển khai hoạt động khảo sát ý kiến người học hệ CKI về hoạt động giảng dạy thực hành của giảng viên học kỳ II năm học 2023 – 2024:

- Tổng số phiếu phát đi: 285 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 275 phiếu
- Tỷ lệ người học phản hồi = 96,49%.
- Khảo sát 26 giảng viên với 30 học phần thuộc 5 Khoa/Bộ môn. Trong đó có 83.33% số giảng viên được người học phản hồi đạt mức xuất sắc, 16.67% giảng viên đạt mức tốt, không có giảng viên đạt mức khá, trung bình và yếu.

3.2.3. Kết quả khảo sát người học hệ CKI đối với các học phần lý thuyết

Bảng 31: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần lý thuyết

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
5.1	CDR/Mục tiêu học phần nêu rõ những năng lực người học cần đạt được	0.62	0.00	6.83	38.51	54.04	4.45
5.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý	0.62	0.00	8.70	40.37	50.31	4.40
5.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học	0.62	0.00	4.97	38.51	55.90	4.49
5.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của người học	0.62	0.62	6.83	34.16	57.76	4.48
5.5	Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CDR/mục tiêu học phần	0.62	0.00	5.59	38.51	55.28	4.48
5.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CDR/mục tiêu học phần	0.62	0.00	6.83	35.40	57.14	4.48

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (từ 4.40 - 4.49).

Tiêu chí “ Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 94.41 %.

Tiêu chí “ Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của người học”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 1.24 %.

Bảng 32: Hoạt động giảng dạy đối với các học phần lý thuyết

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
6.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	0.62	0.00	3.73	33.54	62.11	4.57
6.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	0.62	0.62	5.59	31.68	61.49	4.53
6.3	Giảng viên truyền đạt rõ ràng, đầy đủ các nội dung học phần	0.62	0.62	6.21	35.40	57.14	4.48
6.4	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách cho người học	0.62	0.00	3.73	34.78	60.87	4.55
6.5	Giảng viên giúp người học phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu	0.62	0.62	6.83	33.54	58.39	4.48
6.6	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học	0.62	0.00	6.21	30.43	62.73	4.55

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (từ 4.48-4.57).

Tiêu chí “Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định” và “Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách cho người học” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 95.65%.

Các tiêu chí có tỷ lệ người học không đồng ý từ 0.62-1.24 %.

Bảng 33: Tổ chức, quản lý học phần

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
7.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	0.62	0.62	5.59	36.02	57.14	4.48
7.2	Người học hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	0.62	0.00	4.96	34.79	59.63	4.53
7.3	Người học được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	0.62	0.62	6.83	32.92	59.01	4.49
7.4	Người học được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	0.62	0.00	6.83	32.92	59.01	4.48
7.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	0.62	0.00	4.97	35.40	59.01	4.52
7.6	Hoạt động tự học của người học được giám sát, đánh giá hiệu quả	0.62	0.62	4.35	41.61	52.80	4.45
7.7	Người học được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	0.62	0.00	4.97	36.02	58.39	4.52

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (từ 4.45-4.53 điểm).

Tiêu chí “Người học hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 94.42%.

Các tiêu chí có tỷ lệ người học không đồng ý từ 0.62-1.24 %.

Bảng 34: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
8.1	Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	0.62	0.62	4.35	36.65	57.76	4.50
8.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích người học tự học, tự nghiên cứu	0.00	1.86	4.97	36.65	56.52	4.48
8.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	0.62	1.24	4.97	29.81	63.35	4.54
8.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp người học cải thiện kết quả học tập	0.02	2.48	4.95	36.65	55.90	4.46
8.5	Người học được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.62	0.00	6.21	34.16	59.01	4.51

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (từ 4.46 - 4.54).

Tiêu chí “Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 94.41%.

Tiêu chí “Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp người học cải thiện kết quả học tập”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 2.50 %

Bảng 35: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
9.1	Học liệu liên quan đến học phần đáp ứng được nhu cầu học tập của người học (có trong thư viện hoặc giảng viên cung cấp)	0.00	1.24	4.35	37.27	57.14	4.50
9.2	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát	0.62	1.24	4.35	31.68	62.11	4.53
9.3	Trang thiết bị tại phòng học đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập học phần	0.00	1.24	6.21	36.65	55.90	4.47

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (từ 4.47 - 4.53)

Tiêu chí “Học liệu liên quan đến học phần đáp ứng được nhu cầu học tập của người học (có trong thư viện hoặc giảng viên cung cấp)” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 94.41%.

Tiêu chí “Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát”, có tỷ lệ người học không đồng ý cao nhất là 1.86%

Bảng 36: Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?

Nội dung		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?	Rất không hài lòng	7	4.52
	Không hài lòng	2	1.29
	Phân vân	12	7.74
	Hài lòng	94	60.65
	Rất hài lòng	40	25.81

Nhận xét:

- 86.46% NH hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân.

- 5.81% NH không và rất không hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân

3.2.6. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần thực hành**Bảng 37: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần thực hành**

	Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
10.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ những năng lực người học cần đạt được	0.73	0.00	1.09	45.82	52.36	4.49
10.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý	0.73	0.00	0.73	33.82	64.73	4.62
10.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học	0.73	0.00	0.36	37.82	61.09	4.59
10.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của người học	0.73	0.00	1.09	35.27	62.91	4.60
10.5	Nội dung thực hành, tài liệu tham khảo được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.73	0.00	1.09	37.09	61.09	4.58
10.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.73	0.00	1.09	34.91	63.27	4.60

Nhận xét:

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (từ 4.49 - 4.62)

Tiêu chí “Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 98.91%.

Bảng 38. Hoạt động giảng dạy đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
11.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	0.73	0.00	0.73	38.91	59.64	4.57
11.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	0.73	0.00	1.09	37.82	60.36	4.57
11.3	Giảng viên hướng dẫn người học sử dụng trang thiết bị thực hành an toàn, đúng quy trình	0.73	0.00	1.09	35.27	62.91	4.60
11.4	Giảng viên luôn giám sát, uốn nắn, kèm cặp người học thực hành và điều chỉnh kịp thời	0.73	0.00	1.09	35.64	62.55	4.59
11.5	Giảng viên luôn quan tâm giáo dục ý thức thực hành nghề nghiệp cho người học	0.73	0.00	1.82	34.91	62.55	4.59

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (từ 4.57 - 4.60).

Tiêu chí “Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định ” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 98.55 %.

Bảng 39: Tổ chức, quản lý dạy học đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
12.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	0.73	0.00	1.45	35.64	62.18	4.59
12.2	Người học hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	0.73	0.00	0.72	35.28	63.27	4.60
12.3	Người học được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	0.73	0.00	1.45	34.55	63.27	4.60
12.4	Người học được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	0.73	0.00	1.45	36.73	61.09	4.57
12.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	0.73	0.00	1.09	40.00	58.18	4.55
12.6	Hoạt động tự học của người học được giám sát, đánh giá hiệu quả	0.73	0.00	1.09	37.82	60.36	4.57
12.7	Người học được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	0.73	0.00	1.45	29.09	68.73	4.65

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình mức rất tốt (từ 4.55 - 4.65).

Tiêu chí “Người học hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 98.55 %.

Bảng 40: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
13.1	Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	0.73	0.00	1.82	33.45	64.00	4.60
13.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích người học tự học, tự nghiên cứu	0.73	0.00	1.45	32.36	65.45	4.62
13.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	0.73	0.00	0.36	34.91	64.00	4.61
13.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp người học cải thiện kết quả học tập	0.73	0.00	1.82	30.55	66.91	4.63
13.5	Người học được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.73	0.00	0.73	31.64	66.91	4.64

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình mức rất tốt (từ 4.60 - 4.64).

Tiêu chí “Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 98.91 %.

Bảng 41: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học đối với các học phần thực hành

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
14.1	Học liệu liên quan đến học phần đáp ứng được nhu cầu học tập của người học (có trong thư viện hoặc giảng viên cung cấp)	0.73	0.00	1.09	36.00	62.18	4.59
14.2	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát....	0.73	0.00	0.73	35.64	62.91	4.60
14.3	Trang thiết bị thực hành, vật tư, hoá chất phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	0.73	0.00	1.09	35.64	62.55	4.59

Nhận xét

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình mức rất tốt (từ 4.59 - 4.60).

Tiêu chí “Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát...” có tỷ lệ người học đồng ý cao nhất đạt 98.55%.

Bảng 42: Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?

Nội dung		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?	Rất không hài lòng	12	4.80
	Không hài lòng	4	1.60
	Phân vân	15	6.00
	Hài lòng	184	73.60
	Rất hài lòng	35	14.00

Nhận xét:

- 87.6% NH hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân.

- 6.4% NH không và rất không hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân

4. Kết luận chung**4.1. Một số kết quả đạt được:**

- Có sự phối hợp tốt giữa các Phòng chức năng, Khoa/Bộ môn trong việc vận động người học tham gia phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả tỷ lệ người học phản hồi > 94,5%.

❖ Bậc đại học

- Đối với các khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy các học phần lý thuyết:

+ Đã tiến hành khảo sát được 96 giảng viên, giảng 268 học phần lý thuyết, trong đó có 20.90% số giảng viên được người học phản hồi đạt mức xuất sắc, 79.10% giảng viên đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình, yếu.

+ Tỷ lệ người học đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần; hoạt động giảng dạy; tổ chức, quản lý học phần; hoạt động kiểm tra, đánh giá và cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học của giảng viên toàn trường đều đạt mức tốt, từ 78% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy các học phần thực hành:

+ Đã khảo sát 85 giảng viên giảng 222 học phần thực hành trong đó có 23.42% số giảng viên được người học phản hồi đạt mức xuất sắc, 76.58% giảng viên đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình, yếu.

+ Tỷ lệ người học đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần; hoạt động giảng dạy; tổ chức, quản lý học phần; hoạt động kiểm tra, đánh giá và cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học của giảng viên toàn trường đều đạt mức tốt, từ 81% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động dạy học lâm sàng:

+ Đã khảo sát được 1711 người học tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 96.12%.

+ Tỷ lệ người học đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần; hoạt động giảng dạy; tổ chức, quản lý học phần; hoạt động kiểm tra, đánh giá và cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học của giảng viên toàn trường đều đạt mức tốt, từ 81% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động thực tập tốt nghiệp:

+ Đã khảo sát được 587 người học tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 94.5%.

+ Tỷ lệ người học đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần; hoạt động giảng dạy; tổ chức, quản lý học phần; hoạt động kiểm tra, đánh giá và cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học của giảng viên toàn trường đều đạt mức tốt, từ 85% trở lên.

- Tỷ lệ NH hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân ở hoạt động giảng dạy lý thuyết, thực hành, lâm sàng, thực tế tốt nghiệp từ 64.52 - 77.06%

- Tỷ lệ NH không và rất không hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân ở hoạt động giảng dạy lý thuyết, thực hành, lâm sàng, thực tế tốt nghiệp từ 12.66 - 28.92%

❖ Hệ Chuyên khoa I

- Đối với các khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy các học phần lý thuyết:

+ Đã tiến hành khảo sát được 9 giảng viên, giảng 14 học phần, trong đó có 85.71% số giảng viên được người học phản hồi đạt mức xuất sắc, 14.29% giảng viên đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình, yếu.

+ Tỷ lệ người học đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần; hoạt động giảng dạy; tổ chức, quản lý học phần; hoạt động kiểm tra, đánh giá và cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học của giảng viên toàn trường đều đạt mức rất tốt, từ 90% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy các học phần thực hành:

+ Đã khảo sát 26 giảng viên giảng 30 học phần thực hành trong đó có 83.33% số giảng viên được người học phản hồi đạt mức xuất sắc, 16.67% giảng viên đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình, yếu.

+ Tỷ lệ người học đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần; hoạt động giảng dạy; tổ chức, quản lý học phần; hoạt động kiểm tra, đánh giá và cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học của giảng viên toàn trường đều đạt mức rất tốt, từ 97% trở lên.

- Tỷ lệ NH hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân ở hoạt động giảng dạy lý thuyết, thực hành từ 86.46- 87.60%

- Tỷ lệ NH không và rất không hài lòng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân ở hoạt động giảng dạy lý thuyết, thực hành từ 5.81-6.4%

4.2. Một số vấn đề tồn tại:

❖ **Bậc đại học**

- Còn tỉ lệ nhỏ ý kiến người học “ Không đồng ý” và “ Rất không đồng ý” ở các tiêu chí khảo sát học phần lý thuyết và thực hành, lâm sàng và thực tập tốt nghiệp (từ 0.17-3.10%) trong đó tỉ lệ rất không đồng ý cao hơn tỉ lệ không đồng ý.

- Còn tỉ lệ nhỏ người học không tham gia khảo sát dù đã được Phòng/Khoa/BM đơn đốc: với HP lý thuyết là 3.7%, với HP thực hành là 3.55%, với HP lâm sàng là 3.88%, với HP thực tập tốt nghiệp là 5.5%

- Còn 15 học phần thực hành tương ứng 25 GV cùng dạy chung học phần không thể khảo sát được từng GV mà chỉ có đánh giá chung cho học phần.

- Hoạt động dạy học lý thuyết, thực hành còn một số ý kiến như: học phần không có giáo trình hoặc giáo trình còn khó hiểu cần chỉnh sửa; thời lượng học trên lớp còn ngắn nhưng lượng kiến thức lại quá nhiều; GV giảng bài quá nhanh, tiết học với cường độ cao; GV nên cho kiểm tra lượng giá vào cuối tiết để tóm lại những kiến thức trọng tâm trong bài giảng; học phần tiếng Anh phần thi nghe phòng to nhưng loa bé rất khó nghe, GV nên kết nối vào hệ thống loa của phòng học để người học ngồi cuối có thể nghe rõ; nhà xe ở xa quá; máy điều hòa, mùa hè rất nóng nhưng quạt trong phòng học lý thuyết yếu nên lắp điều hòa ở giảng đường; giao diện website Trường xấu, cần làm lại...

- Hoạt động dạy học lâm sàng, thực tế tốt nghiệp còn một số ý kiến người học phản ánh như lịch đi lâm sàng đôi khi đi kèm lịch thi dày đặc, người học vừa đi thi vừa ôn bài đêm ảnh hưởng đến việc nghỉ ngơi; chỉ một số GV lâm sàng phổ biến chuẩn đầu ra/mục tiêu, giới thiệu bệnh tại khoa...; Khoa nên có sự tham khảo, kiểm tra đối chiếu trước ở lâm sàng và lý thuyết học do có sự chênh lệch giữa thực tế và lý thuyết, gây khó tiếp thu bài học; Trường cần tăng cường GV giảng bệnh đầu giường, hỗ trợ người học được thực hành nhiều hơn...

❖ **Hệ Chuyên khoa I**

- Còn tỉ lệ nhỏ ý kiến người học “ Không đồng ý” và “ Rất không đồng ý” ở các tiêu chí khảo sát học phần lý thuyết và thực hành (từ 0.62-2.48%)

- Còn tỉ lệ nhỏ người học không tham gia khảo sát dù đã được Phòng/Khoa/BM đơn đốc: với HP lý thuyết là 4.17%, với HP thực hành là 3.51%

- Còn 5 học phần thực hành tương ứng 10 GV cùng dạy chung học phần không thể khảo sát được từng GV mà chỉ có đánh giá chung cho học phần.

5. Đối sánh kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ II năm học 2022-2023 và phương hướng cải tiến chất lượng

5.1 Đối sánh kết quả khảo sát

Bảng 43: Bảng đối sánh kết quả khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng viên Kỳ II năm học 2023-2024 so với kỳ II năm học 2022-2023

Nội dung	Kỳ II năm học 2022-2023	Kỳ II năm học 2023-2024
HP khảo sát (HP)		
-Lý thuyết	260	268
-Thực hành	265	222
-Lâm sàng	21	18
-Thực tập tốt nghiệp	5	5
GV khảo sát (Người)		
-Lý thuyết	98	97
-Thực hành	92	95
Xếp loại HP		
-Lý thuyết	27.69% xuất sắc, 72.31% tốt, 0.00% khá	20.90% xuất sắc, 79.10% tốt, 0.00% khá
-Thực hành	36.23% xuất sắc, 63.77% tốt, 0.00% khá	23.42% xuất sắc, 76.58% tốt, 0.00% khá

Nhận xét:

- Số học phần khảo sát thực hành giảm 43 HP so với kỳ II năm học 2022-2023 do 8 học phần của khoa Điều dưỡng nhiều GV cùng giảng dạy chung một học phần (có học phần 15 GV giảng dạy), phòng QLĐT không thực hiện được việc gán tên nhiều GV cùng

dạy chung một học phần trên phần mềm quản lý đào tạo. Mặt khác Trung tâm Huấn luyện kỹ năng lâm sàng đi vào hoạt động điều kiện cơ sở vật chất hiện tại đảm bảo tối đa 30 SV/tổ thực hành (trước đây số SV/ tổ thực hành là 15, hiện từ 20-35 SV/tổ) nên số tổ thực hành/lớp giảm.

- Tỷ lệ giảng viên đạt mức xuất sắc giảm ở cả giảng viên lý thuyết là 6.79% và thực hành là 12.81%.

- Ngoài ra thực hiện yêu cầu tại Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 5/2/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học, phiếu khảo sát bổ sung thêm một câu hỏi nội dung “*Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến độ học tập của bản thân?*” với 5 mức đánh giá (Rất không hài lòng, Không hài lòng, Phân vân, Hài lòng, Rất hài lòng), trong đó chỉ 2 mức cao nhất (Hài lòng, Rất hài lòng) được coi là phản hồi tích cực, đánh giá từ mức “Hài lòng” trở lên. Kết quả tỷ lệ người học phản hồi hài lòng về tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân ở bậc đại học từ 64.52 - 77.06%; hệ Chuyên khoa I từ 86.46-87.60%

- Tỷ lệ người học đồng ý tăng ở một số tiêu chí:

+ Nội dung TTTN cập nhật phù hợp với CDR, mục tiêu HP đạt 87.39% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 86.26%)

+ Thời lượng TTTN được phân bố hợp lý đạt 86.54% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 84.99%)

+ CDR/Mục tiêu học phần nêu rõ năng lực SV cần đạt được đạt 83.00% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 79.89%)

+ Được giới thiệu về Khoa, nội quy khoa, cơ cấu bệnh tật đạt 82.3% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 79.52%)

- Tỷ lệ người học đồng ý giảm ở một số tiêu chí:

+ GV sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học đạt 81.75% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 82.75%)

+ NH được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần là 81.49% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 82.72%)

+ NH được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần là 81.43% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 82.69 %)

+ NH hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần đạt 81.02 % (kỳ 2 năm 2022-2023 là 82.45%)

- Tỷ lệ người học không đồng ý giảm ở một số tiêu chí:

+ Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho người học khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân đạt 0.34% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 2.17%)

+ Đợt TTTN giúp cải thiện tốt kiến thức, kỹ năng tay nghề của SV là 0.34% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 1.44 %)

- Tỷ lệ người học không đồng ý tăng ở một số tiêu chí:

+ Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát là 2.97% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 1.48%)

+ GV truyền đạt rõ ràng, đầy đủ các nội dung học phần đạt 2.76% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 1.40%)

+ GV giúp NH phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu là 2.74% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 1.1%)

+ Hoạt động tự học của NH được giám sát, đánh giá hiệu quả là 2.73% (kỳ 2 năm 2022-2023 là 0.80 %)

+ Học liệu liên quan đến học phần đáp ứng được nhu cầu học tập của NH (có trong thư viện hoặc giảng viên cung cấp) là 1.28%(kỳ 2 năm 2022-2023 là 1.37%)

5.2 Phương hướng cải tiến chất lượng

Theo kết quả báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của người học chính quy và VLVH, Chuyên khoa I về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, III năm học 2023-2024, Hiệu trưởng yêu cầu:

- Phòng QLCL&TT là đầu mối kết hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác quản lý người học, Phòng Công nghệ thông tin, các Khoa/Bộ môn tiếp tục phối hợp chặt chẽ để tuyên truyền ý nghĩa của đợt khảo sát, đôn đốc người học tham gia phản hồi đánh giá giảng viên trong các học kỳ tiếp theo.

- Khoa/Bộ môn căn cứ kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy và các kế hoạch khảo sát của Nhà trường, tổ chức họp Khoa/Bộ môn rút kinh nghiệm xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo (theo Phụ lục 7) gửi về phòng QLCL&TT trước 10/10/2024. Khoa/Bộ môn có trách nhiệm lưu trữ minh chứng kế hoạch cùng kết quả các hoạt động cải tiến chất lượng và nộp về phòng QLCL&TT vào cuối năm học

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường ;
- Ban Giám hiệu ;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, QLCL&TT



HIỆU TRƯỞNG

TS. PHẠM THỊ CẨM HƯNG